TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số:41/2019/HS-ST Ngày: 07-06-2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lương Thị Thanh Quyên
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Vân – Giáo viên;
Bà Nguyễn Thị Lại – Cán bộ hưu trí;
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- ***Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà***: Ông Vi Đức Thứ– Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/06/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/HSST ngày 24/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 37/2019/QĐXXST – HS ngày 23/05/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn L**- Sinh ngày 23/6/2002
HKTT: Thôn T, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Bố đẻ: Lê Văn L, sinh năm 1962, nghề nghiệp: Làm ruộng;
Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, nghề nghiệp: Công nhân;
Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
Vợ, con: Chưa có;
Gia đình có ba anh chị em, bị cáo là con thứ ba.
Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không
Bị cáo đầu thú ngày 28/7/2018, không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

-*Đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn L*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (là mẹ đẻ bị cáo) – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị hại*:
Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L, sinh ngày 23/6/2002, trú quán thôn T - xã T - huyện Việt Yên - tỉnh Bắc Giang và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 là hàng xóm, nhà sát cạnh nhau nên L thường xuyên sang nhà chị H chơi và biết rõ thói quen sinh hoạt, các lối đi lại, vị trí để tài sản của gia đình chị H. Khoảng 08 giờ ngày 27/7/2018, L ở nhà một mình, biết nhà chị H không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị H trộm cắp tài sản. Để thực hiện ý định, L cầm theo một con dao sắt màu đen, chiều dài lưỡi dao 30 cm, chuôi dao dài 10,5 cm, chiều rộng lưỡi dao 06 cm và một chiếc búa sắt màu đen xám có chiều dài cán búa 31 cm, đầu búa dài 12 cm, rộng 03 cm (đều là đồ dùng sinh hoạt của gia đình L), một mình trèo tường từ nhà sang vườn nhà chị H và quan sát thấy cổng, cửa chính đều khóa nhưng cửa sổ không đóng nên đã đi đến cửa sổ bên trái theo hướng nhìn từ ngoài vào tìm chìa khóa cửa chính. Sau đó, L tìm được chìa khóa cửa chính của gia đình chị H được để trên thành cửa sổ nên đã dùng chìa khóa này mở khóa cửa chính đi vào trong nhà, mở cửa phụ bên phải nhà rồi đi qua cửa phụ quay lại khóa cửa chính, để khóa vào vị trí cũ. L tiếp tục đi vào trong nhà qua lối cửa phụ, vào phòng ngủ của chị H, thấy một chiếc két sắt màu xanh đặt gần giường ngủ, két đã khóa mã số, L tiến lại gần, dùng hai tay xoay mặt lưng của két ra ngoài để thực hiện việc phá két. L dùng tay trái cầm dao, kề mũi dao vào phần phía trên của lưng két, tay phải cầm búa đập liên tục nhiều lần vào lưng dao, đập khoảng 03 phút thì két bị thủng, có cát rơi ra, tiếp tục đục khoảng 10 phút được một lỗ hình chữ U, kích thước khoảng (17 x 12) cm. L dùng mũi dao gạt cho cát, sỏi rơi hết ra thì thấy lộ lớp kim loại phía bên trong két, tiếp tục dùng dao và búa với thao tác như trên đục được một lỗ kích thước (04 x 06) cm, nhìn vào bên trong ngăn trên của két thấy toàn giấy tờ, không có tiền nên L tiếp tục đục phần phía ngăn bên dưới của két. Với thao tác như trên, L đục khoảng 20 phút thì được một lỗ hình chữ U, kích thước (15 x 11) cm lớp bên ngoài và một lỗ kích thước (05 x 13) cm lớp bên trong. L cầm dao tay phải, dùng mũi dao ấn các cạnh sắt để mở rộng miệng lỗ lớp bên trong, nhìn thấy bên trong két có một số cọc tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), L đưa tay trái qua lỗ vừa đục vào bên trong két, rút ở cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) một phần tiền rồi đút vào túi quần bên phải phía trước đang mặc. Sau đó, L dùng tay thu gom cát, sỏi rơi trên nền nhà, vứt ra phần đất trống giữa tường nhà chị H và nhà L, xoay két lại vị trí ban đầu, cầm theo dao, búa, khép cửa phòng ngủ lại rồi ra ngoài bằng lối cửa phụ, khép cửa phụ lại như cũ, trèo tường về nhà mình.Về đến nhà, L bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được tổng cộng là

20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), bao gồm 41 (bốn mươi mốt) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Số tiền trên, L đã chi tiêu cá nhân hết 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm nghìn đồng), còn lại 10.700.000 đồng (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) thì cất giấu tại phòng ngủ của mình.

Khoảng 12 giờ ngày 27/7/2018, chị H phát hiện két sắt bị kẻ gian cạy phá, trộm cắp tài sản nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Việt Yên.

Biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện, khoảng 23 giờ ngày 27/7/2018, L đã kể lại việc trộm cắp tiền của mình với gia đình và cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 sang xin lỗi và trả lại chị H 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 28/7/2018, L đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, giao nộp dao, búa là công cụ phạm tội và đôi dép lê sử dụng khi trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSVY ngày 23/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Lê Văn Lra trước Toà án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Lê Văn Lđã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về lời khai đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T xác định số tiền 9.800.000 đồng chị bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo L là tiền của chị nhưng chị không yêu cầu bị cáo L phải trả chị số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Lphạm tội "Trộm cắp tài sản".

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ltừ 6 tháng tù đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Do bị cáo còn nhỏ, sống chung với gia đình và không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản trộm cắp và không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

+Tịch thu tiêu hủy:

-01 con dao kim loại màu đen, chiều dài 40,5 cm, chiều rộng nhất 06 cm

-01 chiếc búa bằng kim loại màu xám, chiều dài 33,5 cm, đầu búa dài 12 cm.

-01 đôi dép nhựa màu vàng đã qua sử dụng, chiều dài 23,5cm, chiều rộng nhất 8,5cm.

-01 két sắt có kích thước 80x45x33 cm đã bị đục phá mặt sau.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, qua công bố lời khai của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Văn Lđã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 27/7/2018, tại phòng ngủ nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ thôn T - xã T - huyện Việt Yên - tỉnh Bắc Giang, Lê Văn L, sinh ngày 23/6/2002 ở cùng thôn đã có hành vi đục phá két sắt, trộm cắp của chị H 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Như vậy hành vi của bị cáo Lê Văn Lđã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã một mình thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị tài sản 20.500.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội“ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, tự nguyện ra đầu thú và được người bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 bị cáo được hưởng. Ngoài ra, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 101 BLHS 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do bị cáo đang ở chung với bố mẹ và không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân dự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

[10] Về vật chứng: Áp dụng điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

+Tịch thu tiêu hủy:

-01 con dao kim loại màu đen, chiều dài 40,5 cm, chiều rộng nhất 06 cm.

-01 chiếc búa bằng kim loại màu xám, chiều dài 33,5 cm, đầu búa dài 12 cm.

-01 đôi dép nhựa màu vàng đã qua sử dụng, chiều dài 23,5cm, chiều rộng nhất 8,5cm.

-01 két sắt có kích thước 80x45x33 cm đã bị đục phá mặt sau.

[11] Bị hại vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra.Việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

-Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho UBND xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

+Tịch thu tiêu hủy:

-01 con dao kim loại màu đen, chiều dài 40,5 cm, chiều rộng nhất 06 cm

-01 chiếc búa bằng kim loại màu xám, chiều dài 33,5 cm, đầu búa dài 12 cm.

-01 đôi dép nhựa màu vàng đã qua sử dụng, chiều dài 23,5cm, chiều rộng nhất 8,5cm.

-01 két sắt có kích thước 80x45x33 cm đã bị đục phá mặt sau.

+Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
-VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên